

# Nhìn lại chiến lược đối ngoại của Việt Nam trước chính sách thuế quan của Mỹ trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên của ông Donald Trump

Phạm Minh Hạnh<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 11/02/2026 | Ngày gửi phản biện: 04/3/2026 | Ngày duyệt đăng: 26/3/2026

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích chiến lược đối ngoại của Việt Nam trước chính sách thuế quan của Mỹ trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên của ông Donald Trump và đánh giá vai trò của chiến lược này trong quá trình thúc đẩy Việt Nam tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích định tính kết hợp dữ liệu thứ cấp giai đoạn 2017 - 2023. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những tác động từ chính sách thuế quan của Mỹ đã tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức đối với Việt Nam. Trong bối cảnh đó, chiến lược đối ngoại đã góp phần giúp Việt Nam duy trì cân bằng quan hệ với các đối tác lớn, mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút FDI và từng bước cải thiện vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu. Bài viết cũng đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao năng lực thích ứng và vị thế của Việt Nam trong bối cảnh tái cấu trúc kinh tế toàn cầu.

**Từ khóa:** Chuỗi giá trị toàn cầu, thuế quan của Mỹ, chiến lược phòng ngừa rủi ro, Mỹ, Việt Nam.

## A Retrospective on Vietnam's Foreign Strategy in Response to U.S. Tariff Policies During Donald Trump's First Presidential Term

**Abstract:** This article analyzes Vietnam's foreign strategy in response to U.S. tariff policies during Donald Trump's first presidential term and evaluates its role in fostering Vietnam's deeper participation in global value chains. The study employs qualitative analysis combined with secondary data from the 2017–2023 period. Research findings indicate that the impacts of U.S. tariff policies have presented both opportunities and challenges for Vietnam. In this context, the foreign strategy has contributed to helping Vietnam maintain a balance in relations with major partners, expand international economic integration, attract FDI, and gradually improve its position in global value chains. The article also proposes several policy implications aimed at enhancing Vietnam's adaptive capacity and standing amidst global economic restructuring.

**Keywords:** Global Value Chains, tariffs, hedging strategy, the U.S., Vietnam.

### 1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng rõ nét trong kinh tế toàn cầu, nổi bật là các biện pháp thuế quan của Mỹ trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên của ông Donald Trump (giai đoạn 2017 - 2021). Việc Tổng thống Donald Trump ký sắc lệnh áp thuế đối với hàng hóa Trung Quốc tháng 3/2018 không chỉ làm thương mại Mỹ - Trung Quốc leo thang căng thẳng mà còn tác động đáng kể đến nền kinh tế toàn cầu (Trung tâm WTO, n.d). Trong bối cảnh đó, các nền kinh tế đang phát triển

<sup>1</sup> ThS., Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Email: hanhpm@vnu.edu.vn

có độ mở cao vừa chịu sức ép thích ứng với bất định bên ngoài, vừa có cơ hội đón nhận sự dịch chuyển của dòng vốn và hoạt động sản xuất quốc tế. Việt Nam đã tận dụng tương đối hiệu quả bối cảnh này để mở rộng xuất khẩu, thu hút FDI và gia tăng mức độ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Một nhân tố quan trọng trong quá trình này là chiến lược đối ngoại linh hoạt của Việt Nam. Chiến lược đối ngoại của Việt Nam thể hiện ở sự kiên định về nguyên tắc, linh hoạt trong triển khai và chủ động thích ứng với biến động bên ngoài. Trong bối cảnh bất định thương mại gia tăng, chiến lược này góp phần giúp Việt Nam duy trì cân bằng quan hệ kinh tế với các đối tác lớn và giữ ổn định môi trường cho thương mại, đầu tư và hội nhập quốc tế.

Mặc dù nhiều công trình nghiên cứu về chiến lược đối ngoại của Việt Nam, nhưng kết nối khung phân tích chiến lược đối ngoại với quá trình gia tăng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, vai trò của chiến lược đối ngoại như một cơ chế thích ứng chiến lược trong kinh tế đối ngoại chưa được làm rõ đầy đủ.

Do đó, bài viết phân tích chiến lược đối ngoại của Việt Nam trước chính sách thuế quan của Mỹ thời kỳ Tổng thống D. Trump (2017 - 2021) và đánh giá vai trò của chiến lược này trong quá trình Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi: (i) Chính sách thuế quan của Mỹ tác động như thế nào đến cấu trúc thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu; (ii) Sự thể hiện của chiến lược đối ngoại Việt Nam; và (iii) Chiến lược đó góp phần như thế nào vào việc Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Về phương pháp, nghiên cứu sử dụng phân tích định tính kết hợp dữ liệu thứ cấp giai đoạn 2017 - 2023.

## **1. Cơ sở lý thuyết về chiến lược đối ngoại của Việt Nam và việc tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu**

### ***Khái quát chiến lược đối ngoại của Việt Nam***

Đối với Việt Nam, chiến lược đối ngoại thời kỳ hội nhập thể hiện cách tiếp cận kiên định về nguyên tắc, linh hoạt trong phương thức và chủ động thích ứng với biến động bên ngoài. Chiến lược này gồm ba trụ cột: kiên định về nguyên tắc, linh hoạt trong triển khai và thích ứng chiến lược. Trong bối cảnh chính sách thuế quan của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump làm gia tăng bất định thương mại toàn cầu, chiến lược đối ngoại có thể được xem như một cơ chế giúp Việt Nam duy trì cân bằng quan hệ với các đối tác lớn, đồng thời giữ ổn định môi trường cho thương mại, đầu tư và hội nhập quốc tế.

### ***Lý thuyết phòng ngừa rủi ro***

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, chiến lược phòng ngừa rủi ro dùng để chỉ cách ứng xử của các quốc gia trước môi trường có mức độ bất định cao. phòng ngừa là hành vi tìm kiếm sự bảo đảm trong những tình huống có tính bất định cao và lợi ích cốt lõi lớn, trong đó một quốc gia hành động có lý trí sẽ tránh việc chọn phe và theo đuổi các biện pháp đối lập nhau đối với các cường quốc đang cạnh tranh để giữ cho mình một đường lùi. Cheng-Chwee Kuik (2021) lập luận rằng, mặc dù có thể hiểu được lý do Mỹ và Trung Quốc không thích chiến lược phòng ngừa của các nước nhỏ, nhưng cả hai đều bỏ qua một thực tế: chính những bất ổn bắt nguồn từ hành động của họ đã thúc đẩy các nước yếu thế phải phòng ngừa. Khác với việc đứng hẳn về một phía hoặc đối đầu trực tiếp, phòng ngừa rủi ro nhấn mạnh sự kết hợp linh hoạt các công cụ chính sách nhằm giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi ích trong cạnh tranh giữa các cường quốc. Cách tiếp cận này thường được triển khai qua ba hướng chủ yếu: đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, mở rộng hội nhập kinh tế thông qua các FTA và củng cố năng lực nội tại để nâng cao khả năng chống chịu trước cú sốc bên ngoài. Việt Nam cho thấy chính sách ngoại giao của mình có nhiều điểm

tương đồng với chiến lược phòng ngừa rủi ro, khi vừa duy trì quan hệ với các đối tác lớn, vừa mở rộng liên kết với các thị trường khác thông qua CPTPP (ký ngày 08/3/2018), EVFTA (ký ngày 30/6/2019) và các hiệp định FTA khác.

### ***Lý thuyết về chuỗi giá trị toàn cầu***

Lý thuyết chuỗi giá trị toàn cầu (Global Value Chains - GVC) giải thích sự phân công lao động quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Khi chính sách thuế quan của Mỹ làm tăng chi phí sản xuất tại Trung Quốc, nhiều doanh nghiệp đa quốc gia đã điều chỉnh đầu tư và tái cấu trúc chuỗi cung ứng, thúc đẩy dịch chuyển sản xuất sang các quốc gia có chi phí cạnh tranh hơn và môi trường đầu tư thuận lợi hơn. Với lợi thế về vị trí địa lý, chi phí lao động và mạng lưới FTA, Việt Nam trở thành một điểm đến quan trọng trong quá trình này. Lý thuyết GVC cũng nhấn mạnh rằng, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu không chỉ là thu hút đầu tư mà còn là khả năng nâng cấp vị trí trong chuỗi thông qua nâng cấp sản phẩm, quy trình và chức năng. Theo hướng đó, chiến lược đối ngoại có thể được xem là một yếu tố hỗ trợ cho quá trình nâng cấp chuỗi giá trị.

### ***Khung phân tích nghiên cứu***

Trên cơ sở các tiếp cận trên, nghiên cứu xây dựng khung phân tích nhằm làm rõ mối quan hệ giữa chính sách thuế quan của Mỹ, chiến lược đối ngoại của Việt Nam và quá trình tái định vị Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Khung phân tích được triển khai theo ba bước. *Thứ nhất*, chính sách thuế quan của Mỹ được xem là cú sốc bên ngoài làm thay đổi cấu trúc thương mại và đầu tư toàn cầu. *Thứ hai*, chiến lược đối ngoại được xem như một cơ chế thích ứng chiến lược, giúp Việt Nam giảm rủi ro và tận dụng cơ hội từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng. *Thứ ba*, kết quả thích ứng được phản ánh qua gia tăng FDI, mở rộng xuất khẩu và cải thiện vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

## **2. Bối cảnh chính sách thuế quan của Mỹ thời kỳ Trump và tác động đến cấu trúc thương mại toàn cầu**

### ***2.1. Chính sách thuế quan của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump (giai đoạn 2017 - 2021)***

Giai đoạn 2017 - 2021 đánh dấu sự chuyển hướng rõ rệt trong chính sách thương mại của Mỹ dưới khẩu hiệu “America First”, với trọng tâm là bảo hộ sản xuất trong nước. Công cụ nổi bật là thuế quan áp lên hàng nhập khẩu từ Trung Quốc theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại năm 1974, dựa trên kết luận điều tra của USTR về chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ (Trung tâm WTO, n.d). Từ năm 2018, Mỹ liên tiếp áp thuế bổ sung đối với hàng hóa Trung Quốc; đến cuối năm 2019, phạm vi áp thuế bao phủ khoảng 360 tỷ USD hàng nhập khẩu (Trung tâm WTO, 2025). Trung Quốc đáp trả bằng các biện pháp tương ứng, khiến căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc leo thang và làm gia tăng bất định đối với môi trường đầu tư, sản xuất toàn cầu.

### ***2.2. Tác động của chính sách thuế quan đến thương mại toàn cầu***

Các biện pháp thuế quan quy mô lớn giữa Mỹ và Trung Quốc làm tăng chi phí thương mại, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và làm suy giảm tăng trưởng thương mại toàn cầu. Theo WTO, tăng trưởng khối lượng thương mại hàng hóa thế giới giảm từ 2,9% năm 2018 xuống -0,1% năm 2019; giá trị thương mại hàng hóa toàn cầu cũng giảm 3,0% trong cùng năm (TTXVN/Báo Tin tức, 2019). Điều này cho thấy tác động rõ rệt của căng thẳng chính trị và xu hướng bảo hộ đối với hệ thống thương mại quốc tế. Ở chiều ngược lại, chính sách thuế quan cũng thúc đẩy doanh nghiệp đa quốc gia đa dạng hóa địa điểm đầu tư và giảm phụ thuộc vào một thị trường duy nhất. Xu hướng này góp phần phân tán cấu trúc thương mại toàn cầu và đẩy nhanh sự hình thành các chuỗi cung ứng khu vực.

### ***2.3. Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và cơ hội đối với các nền kinh tế mới nổi***

Một hệ quả quan trọng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc là sự dịch chuyển một phần hoạt động sản xuất khỏi Trung Quốc sang các địa điểm có chi phí cạnh tranh hơn và ít chịu tác động trực tiếp của thuế quan. Tuy nhiên, mức độ hưởng lợi của từng quốc gia phụ thuộc vào chi phí lao động, chất lượng hạ tầng, mức độ hội nhập và tính ổn định của môi trường chính sách. Trong bối cảnh đó, Việt Nam nổi lên như một điểm đến đáng chú ý nhờ vị trí địa lý thuận lợi, chi phí sản xuất tương đối thấp và mạng lưới FTA ngày càng mở rộng. World Bank cho rằng, hiệu ứng chuyển hướng thương mại có thể giúp hàng xuất khẩu của Việt Nam thay thế một phần hàng Trung Quốc tại thị trường Mỹ, trong khi các hiệp định FTA thế hệ mới tiếp tục củng cố sức hấp dẫn của môi trường đầu tư trong nước.

Ở chiều tích cực, Việt Nam hưởng lợi từ hiệu ứng chuyển hướng thương mại và dịch chuyển đầu tư. Theo USITC, nhập khẩu hàng hóa của Mỹ từ Việt Nam tăng 35,6% trong năm 2019, đạt 66,7 tỷ USD (United States International Trade Commission, 2020), trong đó, nhóm điện tử là động lực tăng trưởng chính. Tuy nhiên, cơ hội này đi kèm rủi ro. Xuất khẩu sang Mỹ tăng nhanh có thể làm gia tăng nguy cơ điều tra phòng vệ thương mại và chống lẩn tránh thuế, trong khi mức độ tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu cũng khiến nền kinh tế nhạy cảm hơn trước các cú sốc bên ngoài. Vì vậy, với Việt Nam, vấn đề không chỉ là tận dụng cơ hội từ dịch chuyển chuỗi cung ứng mà còn là duy trì cân bằng quan hệ kinh tế với các đối tác lớn và nâng cao năng lực thích ứng chính sách.

## **3. Chiến lược của Việt Nam thúc đẩy kinh tế đối ngoại trong bối cảnh chính sách thuế quan của Mỹ (2017 - 2021)**

### ***3.1. Duy trì cân bằng quan hệ với các đối tác lớn***

Trong bối cảnh chính sách thuế quan của Mỹ (2017 - 2021) làm gia tăng căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc, Việt Nam chịu áp lực duy trì cân bằng quan hệ với các đối tác lớn khi nền kinh tế có độ mở cao và phụ thuộc mạnh vào thương mại, đầu tư quốc tế. Thay vì nghiêng hẳn về một phía, Việt Nam lựa chọn cách tiếp cận linh hoạt, phù hợp với tinh thần của chiến lược đối ngoại, nhằm duy trì hợp tác với cả Mỹ và Trung Quốc. Trong giai đoạn 2017 - 2021, Mỹ là thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam, trong khi Trung Quốc giữ vai trò lớn trong cung ứng nguyên liệu, linh kiện và thiết bị sản xuất. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải duy trì ổn định quan hệ với cả hai đối tác để bảo đảm tính liên tục của chuỗi cung ứng. Cách tiếp cận đó phản ánh logic của chiến lược phòng ngừa rủi ro, tức kết hợp cân bằng và hợp tác để giảm thiểu rủi ro trong môi trường quốc tế bất định.

### ***3.2. Mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các hiệp định thương mại tự do***

Một phản ứng quan trọng của Việt Nam là đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế thông qua ký kết và thực thi các hiệp định thương mại tự do. Trong bối cảnh bất định thương mại gia tăng, mở rộng mạng lưới FTA trở thành công cụ quan trọng để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống. Việc tham gia CPTPP và thực thi EVFTA tạo thêm cơ hội tiếp cận các thị trường lớn với ưu đãi thuế quan, đồng thời thúc đẩy cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao tiêu chuẩn sản xuất (Phương Trà, 2022). Bên cạnh đó, mạng lưới các hiệp định FTA thế hệ mới còn giúp nền kinh tế nâng cao khả năng thích ứng trước các cú sốc bên ngoài thông qua phân tán rủi ro thị trường.

### **3.3. Điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng**

Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu do tác động của chính sách thuế quan Mỹ mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam trong thu hút FDI. Trước xu hướng này, Việt Nam đã điều chỉnh chính sách theo hướng cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng hạ tầng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến đầu tư nước ngoài. Đồng thời, chính sách ưu đãi đầu tư được định hướng nhiều hơn vào các dự án có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, đặc biệt trong các ngành điện tử, cơ khí chính xác và thiết bị công nghiệp. Việc phát triển khu công nghiệp và khu chế xuất cũng góp phần mở rộng năng lực sản xuất và tăng mức độ tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việc nâng cao năng lực sản xuất trong công nghiệp chế biến chế tạo không chỉ tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế mà còn tạo điều kiện tham gia vào các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn. Bên cạnh đó, phát triển công nghiệp hỗ trợ giúp tăng liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI, nâng tỷ lệ nội địa hóa và giảm phụ thuộc nhập khẩu đầu vào.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã triển khai nhiều biện pháp nhằm cải thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý và tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi hơn. Các cải cách tập trung vào tăng tính minh bạch, cải thiện khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp và nâng cao hiệu lực của hệ thống pháp luật về thương mại, đầu tư. Đồng thời, đầu tư vào hạ tầng logistics và vận tải góp phần giảm chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng.

## **4. Kết quả và hàm ý**

### **4.1. Kết quả đạt được**

#### ***Việt Nam gia tăng mức độ tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu***

Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc giai đoạn đã làm thay đổi cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu. Khi chi phí sản xuất tại Trung Quốc tăng lên do tác động của thuế quan, nhiều doanh nghiệp đa quốc gia điều chỉnh chiến lược sản xuất để giảm rủi ro và duy trì khả năng cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, Việt Nam nổi lên như một địa điểm thay thế đáng chú ý trong quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Trước giai đoạn này, Việt Nam chủ yếu tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở các khâu lắp ráp, gia công có giá trị gia tăng thấp. Tuy nhiên, cùng với làn sóng dịch chuyển sản xuất, Việt Nam từng bước mở rộng vai trò trong các ngành công nghiệp chế biến chế tạo như điện tử, dệt may, da giày và thiết bị công nghiệp. Quá trình này không chỉ làm tăng quy mô sản xuất mà còn góp phần cải thiện năng lực công nghệ, quản lý và mức độ hội nhập vào mạng lưới sản xuất toàn cầu.

Khi có xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam để tận dụng lợi thế chi phí và khả năng tiếp cận thị trường quốc tế. Trong giai đoạn 2018 - 2022, FDI vào Việt Nam tiếp tục tập trung mạnh vào công nghiệp chế biến chế tạo, nhất là các ngành điện tử, linh kiện, thiết bị viễn thông và máy móc công nghiệp (Nam Anh, 2026). Xu hướng này cho thấy Việt Nam ngày càng giữ vai trò rõ nét hơn trong mạng lưới sản xuất khu vực. Đồng thời, sự mở rộng của các khu công nghiệp và hạ tầng sản xuất cũng góp phần nâng cao năng lực cung ứng, qua đó củng cố vị thế của Việt Nam như một trung tâm sản xuất quan trọng ở Đông Nam Á.

#### ***Nâng cấp chuỗi giá trị và chuyển dịch cơ cấu sản xuất***

Tái định vị chuỗi giá trị không chỉ thể hiện ở sự gia tăng quy mô sản xuất mà còn gắn với khả năng nâng cấp vị trí của nền kinh tế trong chuỗi giá trị toàn cầu. Theo đó, nâng cấp chuỗi giá trị là quá trình chuyển từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp sang các khâu có giá trị gia tăng cao hơn. Ở Việt Nam,

xu hướng này thể hiện qua sự gia tăng vai trò của các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao hơn trong cơ cấu xuất khẩu, đặc biệt là điện tử và thiết bị công nghiệp. Sự chuyển dịch đó phản ánh quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong điều kiện hội nhập sâu rộng. Bên cạnh đó, phát triển công nghiệp hỗ trợ có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng tỷ lệ nội địa hóa, mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp trong nước vào chuỗi cung ứng và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu đầu vào.

### ***Việt Nam như một nền kinh tế kết nối trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu***

Trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng, Việt Nam ngày càng thể hiện rõ vai trò của một nền kinh tế kết nối giữa các trung tâm sản xuất và thị trường tiêu thụ lớn. Vai trò này được củng cố nhờ vị trí địa lý thuận lợi, độ mở kinh tế cao và việc tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do với các đối tác lớn. Mạng lưới FTA giúp Việt Nam trở thành một điểm sản xuất và trung chuyển có ý nghĩa trong chuỗi cung ứng khu vực, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp đa quốc gia sử dụng Việt Nam như một cứ điểm tiếp cận nhiều thị trường với ưu đãi thuế quan. Không chỉ thu hút thêm dòng vốn đầu tư, vai trò kết nối này còn mở ra cơ hội để doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và tăng cường liên kết với các mạng lưới sản xuất xuyên khu vực.

### ***4.2. Những thách thức đặt ra***

Mặc dù quá trình tái định vị chuỗi giá trị toàn cầu mang lại nhiều cơ hội, Việt Nam vẫn đối mặt với không ít thách thức trong dài hạn. Một rủi ro đáng chú ý là nguy cơ tiếp tục mắc kẹt ở các khâu có giá trị gia tăng thấp nếu không thúc đẩy được quá trình nâng cấp công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp nội địa. Bên cạnh đó, sự gia tăng FDI cũng gây áp lực lên hạ tầng, lao động và năng lực quản trị phát triển. Nếu không cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và hệ thống logistics, Việt Nam có thể gặp khó khăn trong việc duy trì sức hấp dẫn đầu tư. Ngoài ra, môi trường thương mại quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều bất định, đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục theo đuổi các chiến lược linh hoạt. Trong bối cảnh đó, chiến lược đối ngoại giao có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì cân bằng quan hệ giữa các nước lớn, thu hút các dòng vốn đầu tư có chất lượng, góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

### ***4.3. Hàm ý chính sách***

Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số hàm ý chính sách quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh môi trường thương mại quốc tế tiếp tục biến động. *Trước hết*, Việt Nam cần tiếp tục duy trì chiến lược đối ngoại cân bằng và linh hoạt với các đối tác lớn nhằm giảm thiểu rủi ro từ cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc. Trong điều kiện nền kinh tế có độ mở cao, việc giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ nhưng linh hoạt trong triển khai quan hệ kinh tế đối ngoại là điều kiện quan trọng để bảo đảm ổn định phát triển.

*Thứ hai*, Việt Nam cần tiếp tục tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để đa dạng hóa thị trường, giảm phụ thuộc vào một số đối tác truyền thống và nâng cao khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài. Tuy nhiên, việc tận dụng FTA không nên chỉ dừng ở mở rộng xuất khẩu mà cần gắn với cải cách thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn của thị trường quốc tế.

*Thứ ba*, chính sách thu hút FDI cần được điều chỉnh theo hướng chọn lọc hơn, ưu tiên các dự án có hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng và khả năng lan tỏa cao. Cùng với đó, cần thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với khu vực FDI để tránh tình trạng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu chủ yếu ở các khâu lắp ráp, gia công.

*Cuối cùng*, Việt Nam cần chú trọng hơn đến đầu tư cho hạ tầng logistics, nguồn cung năng lượng sạch, đảm bảo tính liên tục, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực dự báo chính sách. Đây là những điều kiện nền tảng để nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời bảo đảm khả năng thích ứng dài hạn trước các biến động ngày càng phức tạp của kinh tế thế giới.

## 5. Kết luận

Bài viết cho thấy, chính sách thuế quan của Mỹ trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên của ông Donald Trump không chỉ làm gia tăng căng thẳng thương mại Mỹ – Trung Quốc mà còn tạo ra những thay đổi quan trọng trong cấu trúc thương mại, đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã thể hiện khả năng thích ứng tương đối hiệu quả thông qua cách tiếp cận đối ngoại linh hoạt.

Thông qua việc duy trì cân bằng quan hệ với các đối tác lớn, mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế, điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến chế tạo, Việt Nam đã tận dụng được một phần cơ hội từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Quá trình này góp phần củng cố vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu và từng bước khẳng định vai trò của Việt Nam như một nền kinh tế kết nối trong khu vực. Tuy nhiên, trong thời gian tới, hiệu quả của chiến lược đối ngoại giao còn gắn chặt với năng lực cải cách kinh tế trong nước. Đây cũng là điều kiện then chốt để Việt Nam tiếp tục nâng cao vị thế trong bối cảnh tái cấu trúc kinh tế toàn cầu.

## Tài liệu tham khảo

1. Nam Anh (2026). *Thu hút FDI thế hệ mới*. Báo Đại Đoàn kết ngày 21/01/2026. Truy cập ngày 02/02/2026 <https://vnshort.com/bFch>
2. TTXVN/Báo Tin tức (2019). *WTO cảnh báo thương mại toàn cầu tụt xuống mức thấp nhất trong gần một thập kỷ*. Báo Tin tức ngày 19/02/2019. Truy cập ngày 02/02/2026 <https://baotintuc.vn/the-gioi/wto-can-bao-thuong-mai-toan-cau-tut-xuong-muc-thap-nhat-trong-gan-mot-thap-ky-20190219185154328.htm>
3. Phương Trà (2022). *Hội nhập kinh tế quốc tế: Cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*. Tạp chí Cộng sản, ngày 15/12/2022. Truy cập ngày 02/02/2026 [https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/826698/view\\_content#](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/826698/view_content#)
4. Trung tâm WTO (2025). *Tổng hợp các biện pháp thuế quan Hoa Kỳ áp dụng với Trung Quốc (từ 2018)*. Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI 18/02/2025. Truy cập ngày 02/02/2026 <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/28960-tong-hop-cac-bien-phap-thue-quan-hoa-ky-ap-dung-voi-trung-quoc-tu-2018>
5. Trung tâm WTO (n.d). *Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và một số tác động đến Việt Nam*. Trung tâm WTO, VCCI. Truy cập ngày 02/02/2026 <https://trungtamwto.vn/hiep-dinh-khac/13615-chien-tranh-thuong-mai-my-trung-va-mot-so-tac-dong-den-viet-nam>
6. Cheng-Chwee Kuik (2021). *Getting hedging right: a small-state perspective*. China Int Strategy Rev. 3, 300–315. Accessed February 2nd, 2020 <https://doi.org/10.1007/s42533-021-00089-5>
7. United States International Trade Commission (2020). *Vietnam*. Usitc.gov. Accessed February 2nd, 2020 [https://www.usitc.gov/research\\_and\\_analysis/trade\\_shifts\\_2019/vietnam.htm](https://www.usitc.gov/research_and_analysis/trade_shifts_2019/vietnam.htm)